

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS-ST
Ngày: 15 / 3 / 2022
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Mộc Khải
2. Bà Trần Thị Ánh Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 04 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2022; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 01/TB-TA ngày 14 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng X (X); Trụ sở chính: số 9x Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận D, thành phố H; địa chỉ: Tòa nhà ACM Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Quốc Đạt, chức vụ: Chuyên viên XLN KHCN – X (Văn bản ủy quyền số 4822/2021/UQ-VPB ngày 25/02/2021); có mặt.

Đồng bị đơn: Ông Nguyễn Phú H, sinh năm 1980 và bà Trần Mỹ L, sinh năm 1985; cùng địa chỉ: số 19 đường Trần Hưng Đạo, tổ 4xx, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, ý kiến đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa trình bày: Ngân hàng X – chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là X) có cho vợ chồng ông Nguyễn Phú H và bà Trần Mỹ L vay các khoản như sau:

Khoản vay thứ nhất: Theo hợp đồng vay số 7352072/HCM/HDTD ký ngày 27/5/2016 giải ngân theo khế ước nhận nợ lần 1 số 7352072/HCM/HDTD ký ngày 27/5/2016 với nội dung:

- Số tiền vay: 770.000.000 (Bảy trăm bảy mươi triệu) đồng.
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô tải thùng mui bạt nhãn hiệu CHENGLONG.
- Thời hạn vay: 48 tháng, từ ngày 27/5/2016 đến ngày 27/5/2020.
- Lãi suất cho vay: 10.49%/năm, cố định trong 03 tháng đầu tiên, định kỳ điều chỉnh 03 tháng/01 lần.

Quá trình vay, ông H và bà L đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 697.326.082 đồng (tiền gốc: 529.386.000 đồng; tiền lãi: 167.940.082 đồng), kể từ ngày 27/3/2019 ông H và bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho Ngân hàng.

Tổng dư nợ còn lại tạm tính đến ngày 15/3/2022 tổng số tiền 380.491.267 đồng (trong đó nợ gốc: 240.614.000 đồng; nợ lãi: 139.877.267 đồng).

Để đảm bảo khoản vay, ông Hiền, bà L có thể chấp cho X chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh 01 xe ô tô tải có mui 02 chỗ ngồi, nhãn hiệu CHENGLONG, số loại TTCM, biển số 67C-056.02 (số khung D650FL211137, số máy 3L3CLF00403) (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 00915 mang tên Nguyễn Phú H) theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 7352072/HCM/HĐTC ngày 26/5/2016 được công chứng chứng thực tại Văn phòng Công chứng Châu Á và giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án ngày 26/5/2016 của Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh.

Khoản vay thứ hai: Theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số CN/VN0010102/201711/013 ký ngày 06/11/2017.

- Số tiền vay: 70.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Mua đồ gia dụng
- Thời hạn vay: 18 tháng kể từ ngày 11/11/2017 đến 11/5/2019

- Lãi suất vay: 20%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình vay, ông H và bà L đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 72.819.740 đồng (tiền gốc 61.639.113 đồng, tiền lãi: 11.180.627 đồng), kể từ ngày 27/3/2019 ông H và bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho Ngân hàng.

Tổng dư nợ còn lại tạm tính đến hết ngày 15/3/2022 là 17.525.392 đồng (trong đó nợ gốc: 8.360.887 đồng, nợ lãi: 9.164.505 đồng).

Khoản vay thứ ba: Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử số CFT/VN0001032520810 ký ngày 04/10/2018. X cấp tín dụng cho ông Nguyễn Phú Hiền cụ thể:

- Hạn mức cấp thẻ: 31.000.000 đồng
- Ngày mở thẻ: 06/10/2018;
- Lãi suất vay: 35,88%, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn

Quá trình vay ông Hiền và bà L thanh toán cho Ngân hàng số tiền 7.750.000 đồng. Kể từ ngày 05/5/2019 ông H và bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho Ngân hàng.

Tổng dư nợ còn lại tạm tính đến hết ngày 15/3/2022 là 80.642.914 đồng (trong đó nợ gốc: 27.282.828 đồng; nợ lãi: 53.360.086 đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Hiền, bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán vốn gốc và lãi theo thỏa thuận nên X khởi kiện yêu cầu:

- Ông Hiền, bà L có trách nhiệm trả số nợ của 03 khoản vay tạm tính đến ngày 15/3/2022 là 478.659.573 đồng (trong đó vốn gốc 276.257.715 đồng và nợ lãi 202.401.858 đồng);

- Ông H và bà L còn phải chịu lãi quá hạn theo thỏa thuận của các Hợp đồng vay đã ký với Ngân hàng kể từ ngày 16/3/2022 cho đến khi trả hết số nợ đã vay cho Ngân hàng;

- Duy trì tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 7352072/HCM/HĐTC ngày 26/5/2016 được ký kết giữa X chi nhánh Bến Thành với ông Hiền, bà L để đảm bảo cho việc thi hành án.

Kèm theo đơn khởi kiện, bản tự khai, Ngân hàng cung cấp các tài liệu và chứng cứ đã nêu tại biên bản phiên họp về kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 14/01/2022.

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Mỹ L xác định: bà L và ông Nguyễn Phú Hiền có ký kết Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp với Ngân hàng X – chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh để vay tiền. Thống nhất số tiền vay theo 03 Hợp đồng, thời gian vay, lãi suất, mục đích vay, phương thức thanh toán trả dần nợ gốc và lãi vào mỗi tháng.

Quá trình vay, bà L và ông Hiền không thực hiện việc thanh toán đầy đủ

vốn, lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng như trình bày của đại diện Ngân hàng. Xác định hiện còn nợ lại vốn gốc của 03 hợp đồng là 276.257.715 đồng và tiền lãi phát sinh. Đồng ý cùng với ông H trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng (yêu cầu trả vốn gốc, tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong và tiếp tục duy trì tài sản thế chấp), nhưng hiện tại do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, làm ăn thua lỗ nên xin được trả dần mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi hết. Về phần tài sản thế chấp là xe tải, hiện tại đang để tại Campuchia do làm ăn thua lỗ và nợ tiền nên chủ nợ đã giữ lại. Bà L và ông H chưa lấy xe về được nên không thể giao cho Ngân hàng. Thời gian tới nếu lấy xe về được bà L và ông H sẽ giao cho Ngân hàng để khấu trừ nợ.

- Theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt của ông Nguyễn Phú H ngày 24/02/2022, ông H có ý kiến là do bận đi làm ăn xa, mọi ý kiến của ông H thống nhất theo ý kiến của bà Trần Mỹ L.

Tại phiên tòa,

- Đại diện Ngân hàng trình bày: Yêu cầu ông H, bà L phải có nghĩa vụ thanh toán một lần cả 03 khoản vay tạm tính đến ngày 15/3/2022 là 478.659.573 đồng (trong đó vốn gốc 276.257.715 đồng và nợ lãi 202.401.858 đồng) và tiếp tục phải chịu lãi quá hạn kể từ ngày 16/3/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết số nợ. Đồng thời, yêu cầu tiếp tục duy trì tài sản đã thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án của ông H, bà L.

Ngân hàng không đồng ý theo yêu cầu của bà L trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198, 203 và 208 BLTTDS năm 2015.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nên đảm bảo được quyền, nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn có mặt; bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại các Điều 227, 228 BLTTDS năm 2015.

Về giải quyết vụ án: việc vay nợ giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, có lập hợp đồng, phù hợp quy định pháp luật, trong thời gian thực hiện hợp đồng ông H bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H bà L trả một lần số tiền còn nợ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 463, 466, 468 BLDS 2015.

Đối với việc bà L cho rằng tài sản thế chấp tại Ngân hàng là xe ô tô tải, nhãn hiệu CHENGLONG, biển kiểm soát 67C-056.02, hiện được chủ nợ khác của bà giữ lại tại Campuchia nên không thể giao cho Ngân hàng. Thấy rằng, tài sản được nêu đã được thế chấp tại Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp, đảm bảo phù hợp quy định pháp luật, do đó trường hợp ông H bà L không thanh toán hết số tiền còn nợ thì phía Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về thi hành án xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm thi hành án.

Đối với việc ông H, bà L xin trả dần 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ không được phía Ngân hàng chấp nhận nên không có cơ sở xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Thẩm quyền:* Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng vay tài sản với bị đơn là ông Nguyễn Phú Hiền và bà Trần Mỹ L. Tại Điều 10 hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận “Địa chỉ của các bên nêu tại phần đầu của hợp đồng này là địa chỉ được sử dụng để Tòa án xác định thẩm quyền tranh chấp theo quy định của pháp luật”. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng vay tài sản với bị đơn là ông Nguyễn Phú Hiền và bà Trần Mỹ L có địa chỉ tại tổ 04, khóm Châu Thạnh, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn Nguyễn Phú Hiền, Trần Mỹ L có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

** Về nội dung:*

[3] Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng X (X) và ông Nguyễn Phú H, bà Trần Mỹ L được giao kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

[4] *Vốn vay và tiền lãi:*

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 7352072/HCM/HĐTD ngày 26/5/2016, Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số CN/VN0010102/201711/013 ký ngày 06/11/2017 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử số

CFT/VN0001032520810 ký ngày 04/10/2018 giữa Ngân hàng X – chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (X) với ông Nguyễn Phú H và bà Trần Mỹ L.

Lời khai của đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng cùng biên bản ghi lời khai bà Trần Mỹ L xác định vốn vay của Hợp đồng tín dụng số 7352072/HCM/HĐTD ngày 26/5/2016 là 770.000.000 đồng, Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số CN/VN0010102/201711/013 ký ngày 06/11/2017 là 70.000.000 đồng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử số CFT/VN0001032520810 ký ngày 04/10/2018 là 31.000.000 đồng.

Theo trình bày của đại diện Ngân hàng, quá trình vay ông H, bà L chỉ thanh toán một phần vốn lãi các hợp đồng trên, vi phạm việc thanh toán nợ vốn lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Hiện ông H, bà L còn nợ lại Ngân hàng vốn lãi tạm tính đến ngày 15/3/2022 và yêu cầu ông H, bà L có trách nhiệm trả nợ, cụ thể:

+ Vốn gốc tổng cộng là 276.257.715 đồng (Hợp đồng tín dụng số 7352072/HCM/HĐTD ngày 26/5/2016 là 240.614.000 đồng, Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số CN/VN0010102/201711/013 ký ngày 06/11/2017 là 8.360.887 đồng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử số CFT/VN0001032520810 ký ngày 04/10/2018 là 27.282.828 đồng).

+ Tiền lãi tổng cộng là 202.401.858 đồng (Hợp đồng tín dụng số 7352072/HCM/HĐTD ngày 26/5/2016 là 139.877.267 đồng, Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số CN/VN0010102/201711/013 ký ngày 06/11/2017 là 9.164.505 đồng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử số CFT/VN0001032520810 ký ngày 04/10/2018 là 53.360.086 đồng).

Đồng thời, yêu cầu ông H, bà L tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 16/3/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán dứt nợ (Hợp đồng tín dụng số 7352072/HCM/HĐTD ngày 26/5/2016, Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số CN/VN0010102/201711/013 ký ngày 06/11/2017 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử số CFT/VN0001032520810 ký ngày 04/10/2018).

Theo lời khai của bà Trần Mỹ L xác định ông Nguyễn Phú H và bà L có ký Hợp đồng tín dụng số 7352072/HCM/HĐTD ngày 26/5/2016, Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số CN/VN0010102/201711/013 ký ngày 06/11/2017 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng,

dịch vụ Ngân hàng điện tử số CFT/VN0001032520810 ký ngày 04/10/2018 để vay tiền tại Ngân hàng X (X) chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình vay ông H, bà L chỉ thanh toán được một phần vốn lãi rồi ngưng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ vốn lãi theo thỏa thuận trong các hợp đồng. Hiện còn nợ vốn lãi như đại diện Ngân hàng trình bày, đồng ý cùng ông H trả nợ cho Ngân hàng.

Thấy rằng, giữa Ngân hàng và ông H, bà L có giao kết các hợp đồng tín dụng để ông H, bà L vay tiền. Quá trình vay do ông H, bà L không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H, bà L có trách nhiệm trả vốn vay và tiền lãi là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, xét chấp nhận.

Buộc ông Nguyễn Phú H và bà Trần Mỹ L có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng X (X), cụ thể:

- Vốn gốc: 276.257.715 đồng (Hợp đồng tín dụng số 7352072/HCM/HĐTD ngày 26/5/2016 là 240.614.000 đồng, Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số CN/VN0010102/201711/013 ký ngày 06/11/2017 là 8.360.887 đồng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử số CFT/VN0001032520810 ký ngày 04/10/2018 là 27.282.828 đồng).

- Tiền lãi: 202.401.858 đồng (Hợp đồng tín dụng số 7352072/HCM/HĐTD ngày 26/5/2016 là 139.877.267 đồng, Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số CN/VN0010102/201711/013 ký ngày 06/11/2017 là 9.164.505 đồng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử số CFT/VN0001032520810 ký ngày 04/10/2018 là 53.360.086 đồng).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông H, bà L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

[5] Phương thức thanh toán: bị đơn Trần Mỹ L xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Tài sản thế chấp:

Để đảm bảo khoản vay, giữa Ngân hàng X (X) – chi nhánh Bến Thành và ông H, bà L đã ký hợp đồng thế chấp xe ô tô số 73520720/HCM/HĐTC ngày 26/5/2016 được công chứng, chứng thực tại Văn phòng Công chứng Châu Á.

X yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án của ông H, bà L.

Tại biên bản lời khai ngày 05/5/2021, bà Trần Mỹ L thừa nhận có cùng ông H ký hợp đồng thế chấp xe ô tô tải có mui 2 chỗ ngồi, nhãn hiệu CHENGLONG, biển số 67C-056.02 với X chi nhánh Bến Thành. Bà L cho rằng hiện nay xe ô tô tải biển số 67C-056.02 hiện do một người chủ nợ bên Campuchia giữ nhưng bà L không cung cấp tài liệu chứng cứ thể hiện việc xe ô tô tải biển số 67C-056.02 hiện do người khác đang quản lý.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng cũng xác định bà L, ông H không cung cấp hay thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng biết việc xe ô tô tải biển số 67C-056.02 hiện do người khác đang quản lý tại Campuchia.

Xét, Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng X (X) và ông H, bà L đã được công chứng chứng thực và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm là phù hợp với quy định pháp luật nên làm phát sinh hiệu lực của hợp đồng. Việc bà L cho rằng xe ô tô tải biển số 67C-056.02 hiện do người khác đang quản lý tại Campuchia nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để xem xét. Do đó, X yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp xe ô tô số 73520720/HCM/HĐTC ngày 26/5/2016 để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán là có căn cứ chấp nhận.

[7] Án phí:

Bị đơn có trách nhiệm trả vốn và lãi cho Ngân hàng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.146.383 đồng.

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 147 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X (X).

Buộc ông Nguyễn Phú H và bà Trần Mỹ L cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng X (X), cụ thể:

- **Vốn gốc: 276.257.715 đồng** (Hợp đồng tín dụng số 7352072/HCM/HĐTD ngày 26/5/2016 là 240.614.000 đồng, Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số CN/VN0010102/201711/013 ký ngày 06/11/2017 là 8.360.887 đồng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử số CFT/VN0001032520810 ký ngày 04/10/2018 là 27.282.828 đồng).

- **Tiền lãi: 202.401.858 đồng** (Hợp đồng tín dụng số 7352072/HCM/HĐTD ngày 26/5/2016 là 139.877.267 đồng, Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số CN/VN0010102/201711/013 ký ngày 06/11/2017 là 9.164.505 đồng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử số CFT/VN0001032520810 ký ngày 04/10/2018 là 53.360.086 đồng).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông H, bà L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

[2] Tài sản thế chấp:

Trường hợp ông Nguyễn Phú H, bà Trần Mỹ L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng X (X) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô tải có mui 02 chỗ ngồi, nhãn hiệu CHENGLONG, số loại TTCM, biển số 67C-056.02 (số khung D650FL211137, số máy 3L3CLF00403) (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 00915 mang tên Nguyễn Phú H) theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 7352072/HCM/HĐTC ngày 26/5/2016 giữa Ngân hàng X (X) - chi nhánh Bến Thành với ông Nguyễn Phú H và bà Trần Mỹ L theo quy định pháp luật về thi hành án.

[3] Án phí:

Ông Nguyễn Phú H và bà Trần Mỹ L cùng liên đới chịu 23.146.383 (Hai mươi ba triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn, ba trăm tám mươi ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng X (X) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 10.119.000 (mười triệu, một trăm mười chín nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai 0004398 ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đức.

[4] Quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng X (X) có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Phú H và bà Trần Mỹ L là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Ngọc